

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Luận
Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2019/HNGĐ-ST ngày 13/01/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1991 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị Bích L trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1 (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 25/5/2011, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm lo lắng cho nhau, hiện tại hai bên đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L đề nghị Tòa án được ly hôn với ông T.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 người con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 01/9/2014. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung và ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng).

Tuy nhiên, ngày 09/3/2020, bà L làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Theo đó bà xin được nuôi 02 con chung và không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09/3/2020, bà L làm đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do bận công việc.

- *Bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất với bà L về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, do đó ông T đồng ý ly hôn với bà L.

+ *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Dưỡng cũng thừa nhận giữa vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 01/9/2014. Ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T cùng trú tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bích L và bị đơn ông Nguyễn Trung T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông T.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích L thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L, ông T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1 (nay là P), tỉnh Bình Phước ngày 25/5/2011. Xét thấy việc kết hôn giữa bà L và ông T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả bà L, ông T đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà L, ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà L, ông T và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, bà L, ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường xuyên cãi vã; bản thân bà L, ông T không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà L, ông T đều tự nguyện ly hôn nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà L, ông T đều thừa nhận có 02 người con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 01/9/2014. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay con chung đang sống với bà L và bà L cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, bản thân 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, việc này cũng được ông T đồng ý. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì cần giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (tổng cộng 2 cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 09/3/2020, bà L làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Theo đó bà xin được nuôi 02 con chung và không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung nữa và ông T cũng đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai dụ dỗ ép buộc và không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Lê Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bích L và ông Nguyễn Trung T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Nguyễn D, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 01/9/2014 cho bà Lê Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà Lê Thị Bích L và ông Nguyễn Trung T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027466, quyền số 0550, ngày 13/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P trả lại cho bà L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Bình

